

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----|---|---|--|
| | | Đạt | Không đạt |
| 1. | Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa | <ul style="list-style-type: none">- Cung cấp tài liệu kỹ thuật trong E-HSDT theo quy định trong chương V.- Có bảng so sánh thông số kỹ thuật so với thông số kỹ thuật yêu cầu trong Chương V.- Thương hiệu, nhãn hiệu, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác đáp ứng hoặc ưu việt hơn so với thông số trong chương V. | Không đáp ứng một trong các yêu cầu bên trái |
| 2. | Chất lượng hàng hóa | <ul style="list-style-type: none">- Cam kết Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng.- Năm sản xuất của hàng hóa đáp ứng yêu cầu trong chương V | Không đáp ứng một trong các yêu cầu bên trái |
| 3. | Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa | <ul style="list-style-type: none">- Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế.- Các đề xuất của Nhà thầu đáp ứng yêu cầu trong chương V. | Không đáp ứng một trong các yêu cầu bên trái |
| 4. | Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì | <ul style="list-style-type: none">- Có đề xuất nội dung và phương thức bảo hành rõ ràng, hợp lý: nêu rõ nội dung, phương thức bảo hành, trách nhiệm, khắc phục sự cố,...- Đáp ứng yêu cầu trong chương V.- Có cam kết khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng | Không đáp ứng một trong các yêu cầu bên trái |

| | | | |
|----|--|---|--|
| | | đáp ứng trong vòng: 24 giờ tại nơi lắp đặt thiết bị | |
| 5. | Thời gian thực hiện gói thầu | Có cam kết và có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa ≤ 10 ngày | Không đáp ứng yêu cầu bên trái |
| 6. | Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên gia công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng | Đáp ứng các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên gia công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng. | Không đáp ứng một trong các yêu cầu bên trái |
| 7. | Khả năng thích ứng về địa lý và tác động đối với môi trường | Có cam kết hàng hóa cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường. Có cam kết hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường. | Không có cam kết |
| 8. | Biện pháp bảo quản, vệ sinh hàng hoá trong quá trình sử dụng | Nhà thầu trình bày đầy đủ, hợp lý, khả thi biện pháp bảo quản, vệ sinh hàng hoá trong quá trình sử dụng, phù hợp với hàng hoá chào thầu | Nhà thầu không trình bày đầy đủ, hợp lý, khả thi biện pháp bảo quản, vệ sinh hàng hoá trong quá trình sử dụng hoặc có trình bày nhưng không phù hợp với hàng hoá chào thầu |
| 9. | Uy tín của nhà thầu từ 01/01/2022 | Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có): Nhà thầu có cam kết và không có thông tin | Không có cam kết hoặc có thông tin vi phạm uy tín của nhà thầu. |

| | | | |
|-----------------|--------------|---|---|
| | | vi phạm uy tín. | |
| 10. | Yêu cầu khác | Có cam kết hỗ trợ đơn vị mua sắm đăng ký, đăng kiểm Có cam kết phương tiện đủ điều kiện để đăng ký, đăng kiểm lưu hành tại Việt Nam Có các cam kết khác theo yêu cầu trong chương V | Không có cam kết |
| KẾT LUẬN | | E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí được đánh giá là đạt | Một trong các tiêu chí bị đánh giá là không đạt |